

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày 29/8/2019
Về tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp 4, xã TH, huyện PG, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964, địa chỉ: 216, tổ 2, ấp Vĩnh Tiến, xã VH, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2019. Ông N có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 3, xã TL, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nông Thị Đ là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 10/8/2018, bà Đ có bán cho bà T tổng số lượng gỗ là 83 thước với số tiền là 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng), cùng ngày khi bà Đ chuyển gỗ đến cho bà T thì bà T có trả cho bà Đ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ngày 04/9/2018 bà T trả tiếp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ngày 09/9/2018, bà T trả tiếp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày 16/10/2018, bà T trả tiếp số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), ngày 03/12/2018, bà T trả tiếp 10.000.000đ (Mười

triệu đồng). Tổng số tiền mà bà T đã trả cho bà Đ là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng), còn lại 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bà T chưa trả cho bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Theo bản tự khai, bi ên bản lấy lời khai bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Khoảng cuối năm 2018, bà có mua loại gỗ bao bì cao su của bà Đ, với tổng số tiền là 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng). Không làm hợp đồng chỉ có viết biên nhận cây cho bà Đ. Bà đã thanh toán cho bà Đ nhiều lần (bà không nhớ chính xác số lần cụ thể), tổng số tiền được 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng), có làm phiếu chi cho bà Đ, hiện nay bà còn nợ của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất thì bà có ý kiến như sau: Bà xác nhận là bà còn nợ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của bà Đ và bà đồng ý thanh toán cho bà Đ số tiền này, tuy nhiên do hiện nay bà cũng đang gặp khó khăn nên bà không thể trả 01 lần hết số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) mà bà chỉ có khả năng trả cho bà Đ mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PG có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình làm việc với bà T thì bà T thừa nhận là bà có mua loại gỗ bao bì cao su của bà Đ, với tổng số tiền là 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng), bà đã thanh toán cho bà Đ được 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng), còn nợ của bà Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Bị đơn thừa nhận nên việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và là vấn đề không phải chứng minh, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Xét thấy việc trả góp hay trả 01 lần đây là giai đoạn thi hành án nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ khi mua bán gỗ bao bì cao su nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà Vũ Thị T đang thường trú tại ấp 3, xã TL, huyện PG, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện PG, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Đ và bà T mua bán gỗ bao bì cao su với nhau

vào năm 2018, ngày 06/6/2019 bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 10/8/2018, bà Đ có bán cho bà T tổng số lượng gỗ bao bì cao su với số tiền là 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng), bà T đã thanh toán cho bà Đ nhiều lần với tổng số tiền là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng), còn nợ lại 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Bà T thừa nhận việc mua bán giữa bà T và bà Đ là có thật, số tiền đã trả và số tiền còn nợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) như nguyên đơn trình bày nên đây là vấn đề không phải chứng minh. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), bị đơn đồng ý nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn xin trả góp hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy việc xin trả góp hàng tháng là giai đoạn thi hành án nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về lãi suất: Bị đơn không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Đ đối với bị đơn bà Vũ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Vũ Thị T phải thanh toán cho bà Nông Thị Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Vũ Thị T phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nông Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0026332 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PG, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện PG;
- Chi cục THADS huyện PG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa